TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vĩnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng
2. Ông Trần Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nam– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Th**, sinh năm 1989
ĐKHKTT: Khu Liên Thành, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh **Hà Khắc T,** sinh năm 1989
ĐKHKTT: Khu Liên Thành, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - chị Triệu Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Hà Khắc T kết hôn ngày 30/8/2010, hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung, tình cảm bước đầu hòa Thận hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

nhiều mâu Thẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất đồng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được ba năm, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hà Thị Ngọc Nh, sinh ngày 08/3/2011, cháu Hà Thị Vân Anh sinh ngày 11/11/2012 và cháu Hà Thị M sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị Th đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại khu Liên Thành, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, nhà cửa rộng rãi đảm bảo điều kiện sinh hoạt chung cho cả gia đình. Chị Th làm lao động tự do tại địa phương, Th nhập trung bình 8.000.000/tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy các con đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Th xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của bị đơn** – Theo bản tự khai tại Tòa án anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị Th kết hôn ngày 30/8/2010. Hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm bước đầu hòa Thận. Tuy nhiên đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu Thẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất đồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Th đề nghị ly hôn thì anh hoàn toàn đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hà Thị Ngọc Nh, sinh ngày 08/3/2011, cháu Hà Thị Vân A sinh ngày 11/11/2012 và cháu Hà Thị M sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Khi ly hôn A tự nguyện giao cả ba con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, A sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: A T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành Th thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 13/12/2023, ông Đinh Phúc Quyết là cán bộ tư pháp xã Võ Miếu cung cấp thông tin Nh sau:

A T và chị Th đều có hộ khẩu thường trú tại khu Liên Thành, xã Võ Miếu, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ. Chị Th A T đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Võ Miếu, Trong cuộc sống vợ chồng chị Th A T thường xảy ra mâu Thẫn cãi

chửi nhau do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Khu hành chính cũng đã khuyên giải vợ chồng nhiều lần Nhng không có kết quả gì, hiện tại vợ chồng chị Th A T đã sống ly thân thời gian, không còn quan tâm đến nhau. Chị Th A T có 03 con chung, hiện nay các cháu ở cùng chị Th và bố mẹ đẻ chị Th. Nay chị Th xin ly hôn A T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về Th nhập đối với lao động tự do tại địa phương khoảng từ 07 đến 08 triệu đồng một người trên một tháng. Quá trình giải quyết vụ án, xã có nhận được các văn bản triệu tập và các văn bản khác của Tòa án, UBND xã đã thực hiện việc cấp và tống đạt các văn bản theo quy định của pháp luật.

* ***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc T theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Xử cho chị Triệu Thị Th được ly hôn A Hà Khắc T.

Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị Th tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Thị Ngọc Nh, sinh ngày 08/3/2011, cháu Hà Thị Vân A sinh ngày 11/11/2012 và cháu Hà Thị M sinh ngày 17/4/2015, kể từ tháng 1/2024 đến khi các cháu thành niên lao động tự túc được, A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th do chị Th không có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Th và A T đều khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn A Hà Khắc T, đây là trA chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th và A T đều có nơi ĐKNKTT hiện nay tại xã Võ Miếu, huyện ThA Sơn vì vậy vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện ThA Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Ngày 16/01/2024 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. A Hà Khắc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần Nhng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Th và A Hà Khắc T kết hôn ngày 30/8/2010. Hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chị Th, tình cảm những năm đầu hòa Thận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu Thẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất đồng. A chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A T để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống. A Hà Khắc T đã đến Tòa án trình bày quan điểm việc chị Th xin ly hôn, A T cũng khẳng định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu Thẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất đồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, không ai còn quan tâm gì đến nhau, chị Th xin ly hôn A cũng đồng ý để giải phóng cho nhau, Nhng sau đó A T không dến tòa án giải quyết tiếp vụ án.

Nh vậy có thể thấy mâu Thẫn vợ chồng chị Th A T không có khả năng khắc phục, A chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa, thực tế hôn nhân giữa chị Th và A T không còn tồn tại, A T cố tình trốn tránh không đến tòa án làm việc và hòa giải mà chỉ trình bày quan điểm qua bản tự khai, có thể thấy A T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu Thẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho chị Th được ly hôn A T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Th và A T đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hà Thị Ngọc Nh, sinh ngày 08/3/2011, cháu Hà Thị Vân A sinh ngày 11/11/2012 và cháu Hà Thị M sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị Th đề nghị được tiếp tục được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét nguyện vọng xin nuôi cả 03 con chung của chị Th là chính đáng vì: Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã chứng minh, chị Th hiện ở cùng bố mẻ đẻ tại Khu Liên Thành, xã Võ Miếu, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ, nhà cửa rộng rãi đảm bảo điều kiện sinh hoạt chung cho cả gia đình. Chị Th làm lao động tự do tại

địa phương, Th nhập bình quân 8.000.000/tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy các cháu đến khi thành niên. Tại bản tự khai ngày 27/10/2023 A T cũng tự nguyện giao cả 03 con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cả 03 cháu cũng đều muốn được ở với mẹ.

Chị Th không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy cần giao cả 03 con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp qui định tại khoản 1,2 Điều 81; Điều 82 - Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Triệu Thị Th và A Hà Khắc T xác định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị Th được ly hôn A Hà Khắc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị Th tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Thị Ngọc Nh, sinh ngày 08/3/2011, cháu Hà Thị Vân A sinh ngày 11/11/2012 và cháu Hà Thị M sinh ngày 17/4/2015, kể từ tháng 1/2024 đến khi các cháu thành niên lao động tự túc được, A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th do chị Th không có yêu cầu. A T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai Th số 0004163 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã Võ Miếu;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khắc Vĩnh